CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Hà Nội, tháng 4 năm 2019

MỤC LỤC

MỤC LỤC **2**
PHẦN MỞ ĐẦU **5**
CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ **5**
ĐIỀU 1 CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG ĐIỀU LỆ 5
CHƯƠNG II TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY **7**
ĐIỀU 2 HÌNH THỨC, TÊN GỌI, TRỤ SỞ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 7
ĐIỀU 3 TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG PLAND 8
CHƯƠNG III MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY **8**
ĐIỀU 4 MỤC TIÊU, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 8
ĐIỀU 5 QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY 9
CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN **11**
ĐIỀU 6 VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY 11
ĐIỀU 7 CHỨNG NHẬN CỔ PHIẾU 12
ĐIỀU 8 CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC 12
ĐIỀU 9 CHÀO BÁN, CHUYỂN NHƯỢNG, THỪA KẾ CỔ PHẦN 12
ĐIỀU 10 THU HỒI CỔ PHẦN 13
ĐIỀU 11 PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU 14
ĐIỀU 12 MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG 14
ĐIỀU 13 MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY 15
ĐIỀU 14 THAM GIA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 15
CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT **15**
ĐIỀU 15 CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 15
ĐIỀU 16 NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT 15
ĐIỀU 17 QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT: 16
CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG **17**
ĐIỀU 18 QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG 17
ĐIỀU 19 NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG 19
ĐIỀU 20 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 19
ĐIỀU 21 THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 20
ĐIỀU 22 THỰC HIỆN QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 21
ĐIỀU 23 TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, CHƯƠNG TRÌNH HỌP VÀ THÔNG BÁO HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 23
ĐIỀU 24 CÁC ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 24
ĐIỀU 25 THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 24

ĐIỀU 26 HÌNH THỨC THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 25
ĐIỀU 27 ĐIỀU KIỆN ĐỂ NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC THÔNG QUA 26
ĐIỀU 28 THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG..... 27
ĐIỀU 29 BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG..... 28
ĐIỀU 30 YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG..... 29
ĐIỀU 31 HIỆU LỰC CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG..... 29
CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 30
ĐIỀU 32 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... 30
ĐIỀU 33 NHIỆM KỲ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 31
ĐIỀU 34 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 32
ĐIỀU 35 CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 33
CHƯƠNG VIII TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH 35
ĐIỀU 36 TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH 35
ĐIỀU 37 QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC 35
CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT.....37
ĐIỀU 38 BAN KIỂM SOÁT 37
ĐIỀU 39 ĐIỀU KIỆN VÀ TIÊU CHUẨN CỦA KIỂM SOÁT VIÊN..... 38
ĐIỀU 40 QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA BAN KIỂM SOÁT..... 38
ĐIỀU 41 QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT 39
ĐIỀU 42 MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN..... 40
CHƯƠNG X TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN LỢI CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC. 40
ĐIỀU 43 TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ PLAND..... 40
ĐIỀU 44 TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM SOÁT VIÊN 41
ĐIỀU 45 THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC. 41
ĐIỀU 46 TIỀN LƯƠNG VÀ QUYỀN LỢI KHÁC CỦA KIỂM SOÁT VIÊN..... 41
ĐIỀU 47 HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HOẶC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHẤP THUẬN 42
CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....43
ĐIỀU 48 QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ 43
CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 43
ĐIỀU 49 CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 43
CHƯƠNG XIII PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....44
ĐIỀU 50 CỔ TỨC..... 44
ĐIỀU 51 CÁC VẤN ĐỀ KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN..... 44
CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH 45
VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....45

ĐIỀU 52 TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG 45
ĐIỀU 53 NĂM TÀI CHÍNH 45
ĐIỀU 54 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 45
CHƯƠNG XV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG 45
ĐIỀU 55 BÁO CÁO HÀNG NĂM, 6 THÁNG, HÀNG QUÝ 45
ĐIỀU 56 CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG 46
CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY 46
ĐIỀU 57 KIỂM TOÁN 46
CHƯƠNG XVII CON DẤU 47
ĐIỀU 58 CON DẤU 47
CHƯƠNG XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ 47
ĐIỀU 59 CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG 47
ĐIỀU 60 GIA HẠN HOẠT ĐỘNG 47
ĐIỀU 61 THANH LÝ 47
CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 48
ĐIỀU 62 GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 48
CHƯƠNG XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 49
ĐIỀU 63 BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 49
CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC 49
ĐIỀU 64 NGÀY HIỆU LỰC 49

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ xây dựng và thông qua bản Điều lệ này:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước CHXHCNVN khóa XIII, kỳ họp thứ 8, thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2015;

- Luật chứng khoán số 70/2006/QH 11 được Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/06/2006 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2007;

- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 / 06/ 2017 của Chính Phủ.

- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính;

- Các văn bản quy phạm Pháp luật hiện hành.

Chúng tôi, các Cổ đông và Đại diện cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư và dịch vụ hạ tầng xăng dầu tham gia phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua Nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty và cùng cam kết thực hiện những quy định trong Điều lệ Công ty đã được sửa đổi.

Bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và dịch vụ hạ tầng xăng dầu là cơ sở pháp lý và chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG I
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 1 CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG ĐIỀU LỆ

Nguyên tắc áp dụng: Các từ, thuật ngữ, khái niệm chưa được định nghĩa trong Điều lệ này nhưng đã được giải nghĩa trong Bộ Luật dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó. Các tiêu đề (chương, điều, khoản, điểm của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Trong Điều lệ này, trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể có quy định khác, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam viết tắt là Việt Nam;

2. Công ty cổ phần Đầu tư và dịch vụ hạ tầng xăng dầu viết tắt là Công ty hoặc PLAND;

3. Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam viết tắt là Tập đoàn hoặc Petrolimex;

4. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần và được ghi tên trong Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty;

5. "Công ty mẹ" có nghĩa là Công ty cổ phần Đầu tư và dịch vụ hạ tầng Xăng dầu.

6. Công ty cổ phần Đầu tư và dịch vụ hạ tầng xăng dầu là Công ty mẹ của một công ty khác theo một trong các trường hợp sau đây:

a) Công ty sở hữu trên 50% Vốn Điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của công ty đó.

b) Công ty có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó.

c) Công ty có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.

7. "Công ty con" là công ty bị Công ty mẹ chi phối theo các trường hợp nêu trên.

8. "Công ty liên kết" là các công ty có vốn góp dưới mức chi phối của Công ty mẹ;

9. "Tổ hợp Công ty mẹ - công ty con" là nhóm các Công ty bao gồm Công ty mẹ và các công ty con.

10. Công ty trách nhiệm hữu hạn viết tắt là công ty TNHH; Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên viết tắt là công ty TNHH MTV; Công ty cổ phần viết tắt là công ty CP;

11. "Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối của Công ty" là cổ phần hoặc vốn góp của Công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp khác;

12. "Quyền chi phối của Công ty" là quyền của Công ty (với tư cách là Công ty nắm giữ cổ phần chi phối, vốn góp chi phối tại công ty con, hoặc nắm giữ bí quyết công nghệ, thương hiệu, thị trường của công ty con) quyết định đối với điều lệ hoạt động và các quyết định quan trọng khác của công ty con;

13. "Đại hội đồng cổ đông": có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của Công ty viết tắt là ĐHĐCĐ;

14. "Hội đồng quản trị" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty viết tắt là HĐQT;

15. Thành viên HĐQT độc lập là thành viên HĐQT không phải là TGĐ, Phó TGĐ, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm;

16. Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và dịch vụ hạ tầng xăng dầu viết tắt là TGĐ;

17. "Ban kiểm soát" có nghĩa là Ban kiểm soát của Công ty viết tắt là BKS;

18. Sản xuất kinh doanh viết tắt là SXKD;

19. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và được quy định tại Điều 6 Điều lệ này viết tắt là VĐL;

20. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước CHXHCNVN khóa XIII, kỳ họp thứ 8, thông qua ngày 26/11/2014.

21. "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.

22. "Cán bộ quản lý" hoặc "Người quản lý" có nghĩa là các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện của Công ty; Chủ tịch, Giám đốc công ty con.

23. "Người có liên quan" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

24. "Người đại diện theo uỷ quyền" là cá nhân được cổ đông uỷ quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của cổ đông đó tại Công ty cổ phần Đầu tư và dịch vụ hạ tầng

xăng dầu theo quy định của pháp luật.

25. "Giá thị trường của phần vốn góp hoặc cổ phần" là giá giao dịch trên thị trường cao nhất ngày hôm trước, giá thỏa thuận giữa người bán và người mua, hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp xác định;

CHƯƠNG II
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 2 HÌNH THỨC, TÊN GỌI, TRỤ SỞ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Công ty là một pháp nhân theo pháp luật Việt Nam được tổ chức dưới hình thức Công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành của nước CHXHCN Việt Nam.

2. Tên Công ty:

Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần Đầu tư và dịch vụ hạ tầng xăng dầu

Tên tiếng Anh: Petroleum Logistic Service and Investment Joint Stock company

Tên giao dịch: Công ty cổ phần Đầu tư và dịch vụ hạ tầng xăng dầu

Tên viết tắt: PLAND., JSC

Biểu trưng (Logo):

PETROLIMEX

3. Địa chỉ trụ sở chính Công ty:

Số 1 Phố Khâm Thiên , Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84-24) 35130135; 35188359 Fax: (84-24) 35130137

Email: pland@petrolimex.com.vn

Website: http://www.pland.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của công ty phù hợp với quyết định của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Công ty có các công ty con, công ty liên kết theo quy định của pháp luật Việt Nam.

6. Thời hạn hoạt động của Công ty:

Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu. Việc chấm dứt hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với các quy định tại bản Điều lệ này và pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 3 TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG PLAND

Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội trong PLAND hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ tổ chức.

PLAND có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại PLAND; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động của các tổ chức này.

CHƯƠNG III
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 4 MỤC TIÊU, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ***Mục tiêu***:

a) Đầu tư, phát triển kinh doanh bất động sản và các công trình hạ tầng xăng dầu, mang lại lợi nhuận hợp pháp, tối đa cho các cổ đông.

b) Tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động.

c) Tối đa hóa hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và tổ hợp Công ty mẹ - công ty con.

Công ty kinh doanh những ngành nghề sau:

a) Kinh doanh và cho thuê Bất động sản, văn phòng làm việc, căn hộ, nhà ở, khách sạn;

b) Nhà hàng, ki ốt, trung tâm thương mại, siêu thị;

c) Kinh doanh dịch vụ ăn uống, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, khu du lịch, khu vui chơi giải trí, các dịch vụ vui chơi giải trí (Cầu lông, bóng bàn, tennis, bi-a, bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, golf, bowling, patanh, bể bơi, phòng tập thể dục, phòng tập võ...) và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;

d) Thuê, cho thuê đất, kho tàng, bến bãi, nhà xưởng, hội nghị, hội trường, nhà có trang bị kỹ thuật đặc biệt (phòng hoà nhạc, nhà hát, trường quay, rạp chiếu phim...);

e) Kinh doanh và cho thuê các cơ sở hạ tầng xăng dầu (cửa hàng, kho chứa, đường ống, cảng tiếp nhận...);

f) Xây dựng nhà ở; công trình kỹ thuật; công trình công nghiệp; công trình xăng dầu, đường ống dẫn xăng dầu, chất lỏng khác;

g) Dịch vụ tư vấn, môi giới, định giá, quản lý bất động sản và các dịch vụ về nhà đất;

h) Các dịch vụ cho nhà ở và văn phòng làm việc.;

i) Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);

j) Đại lý kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu;

k) Kinh doanh vật liệu xây dựng, xi măng, sắt thép, gạch, khuôn cửa, sơn các loại;

l) Xuất khẩu, nhập khẩu và dịch vụ uỷ thác xuất nhập khẩu;

m) Bán buôn, bán lẻ các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống các loại, hàng tiêu dùng;

n) Bán buôn, bán lẻ máy móc, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, đồ gỗ và đồ gia dụng;

o) Mua bán đá granite; các loại kim loại, hợp kim, các loại quặng, khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);

p) Mua bán vật liệu, vật tư, trang thiết bị, máy móc và phụ tùng máy phục vụ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật).

q) Ngoài các ngành nghề kinh doanh chính trên, trong quá trình hoạt động Công ty được quyền bổ sung thêm các ngành nghề kinh doanh khác không thuộc các ngành nghề bị pháp luật cấm mà Công ty thấy có lợi cho Công ty và các cổ đông.

3. ***Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty***: Công ty hoạt động kinh doanh trên toàn lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài nơi có nhu cầu hoạt động kinh doanh phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định có liên quan của pháp luật.

Công ty có quyền lập kế hoạch và tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này. Trong từng thời kỳ hoạt động, tùy theo yêu cầu phát triển, Công ty có thể mở rộng sang các lĩnh vực kinh doanh khác mà pháp luật không cấm.

ĐIỀU 5 QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

1. ***Quyền của Công ty***:

a) Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

b) Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; Chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh;

c) Tự chủ về tài chính, lựa chọn hình thức và phương thức huy động vốn, phân bổ và sử dụng vốn; Được đầu tư góp vốn vào các công ty con, các công ty liên kết, các doanh nghiệp khác theo qui định của Pháp luật;

d) Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng;

e) Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu;

f) Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh;

g) Chủ động áp dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh;

h) Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ;

i) Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty;

j) Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định;

k) Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

l) Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật;

m) Được sử dụng biểu trưng "P" đã được đăng ký tại Cục Sở hữu công nghiệp Việt Nam của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam trong biểu trưng của Công ty;

n) Được hưởng các quyền lợi theo quy định của Tổng công ty xây lắp và thương mại Petrolimex đối với các Công ty cổ phần là công ty con của Tổng công ty;

o) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. ***Nghĩa vụ của Công ty***

a) Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh;

b) Tổ chức công tác kế toán, lập sổ kế toán, ghi chép sổ kế toán, hoá đơn, chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê;

c) Kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

d) Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn do pháp luật quy định hoặc tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố;

e) Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

f) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó;

g) Sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn góp của các cổ đông;

h) Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh;

i) Tuân thủ quy định của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam về sử dụng biểu trưng và biển hiệu;

j) Thực hiện nghĩa vụ đối với Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam quy định cho các Công ty cổ phần là công ty con của Tập đoàn ;

k) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

ĐIỀU 6 VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY

1. Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua điều lệ này là 100.000.000.000 đồng Việt Nam (Một trăm tỷ đồng). Tổng số VĐL của Công ty được chia thành 10.000.000 cổ phần (Mười triệu cổ phần), mệnh giá là 10.000 (Mười nghìn) VND/cổ phần;

2. Tài sản góp vốn để tạo thành Vốn điều lệ có thể là đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật hoặc các tài sản khác có thể định giá được bằng đồng Việt Nam. Trường hợp góp vốn không phải là đồng Việt Nam ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng phải được các thành viên, cổ đông sáng lập hoặc tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá và được thể hiện thành Đồng Việt Nam;

3. Công ty có thể điều chỉnh tăng hoặc giảm Vốn điều lệ theo các quy định của pháp luật. Việc tăng, hoặc giảm Vốn điều lệ chỉ được thực hiện sau khi có Nghị quyết của ĐHĐCĐ;

4. Tất cả các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông;

5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong đó phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc, kể từ ngày công bố thông tin theo quy định) để cổ đông đăng ký mua. Số cổ phần không được cổ đông đăng ký mua hết sẽ do HĐQT quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ khi được ĐHĐCĐ chấp thuận khác hoặc trường hợp cổ phần được bán qua TTGDCK/ Sở giao dịch chứng khoán.

7. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty phát hành theo những cách thức được quy định của Pháp luật liên quan và Điều lệ này. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những phương thức phù hợp với quy định Pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

ĐIỀU 7 CHỨNG NHẬN CỔ PHIẾU

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó . Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được Chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in Chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản chi phí nào.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Trình tự, thủ tục cấp lại Chứng nhận cổ phiếu theo quy định của pháp luật và Công ty

ĐIỀU 8 CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo Pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

ĐIỀU 9 CHÀO BÁN, CHUYỂN NHƯỢNG, THỪA KẾ CỔ PHẦN

1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;

b) Chào bán ra công chúng;

c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

Chào bán cổ phần của công ty thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ các trường hợp sau đây:

a) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;

b) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Các trường hợp khác và mức chiết khấu do ĐHĐCĐ quy định.

3. Cổ phần được coi là đã bán hoặc đã được chuyển nhượng khi được thanh toán đủ

và những thông tin về người mua hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần được ghi đúng và đủ thông tin theo quy định của pháp luật, Công ty vào Sổ đăng ký cổ đông Công ty; kể từ thời điểm đó, người mua hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

4. Công ty phải làm thủ tục đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông trong thời hạn không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được Hồ sơ chuyển nhượng thừa kế. Người nhận chuyển nhượng, thừa kế phải nộp đủ Hồ sơ và trả chi phí chuyển nhượng, thừa kế theo quy định của Công ty.

5. Cổ phần của Công ty được thừa kế theo quy định của pháp luật về thừa kế. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế, người thừa kế không thừa kế các chức danh quản lý, điều hành, giám sát của Công ty.

6. Cổ đông Công ty có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số cổ phần của mình cho cá nhân hoặc pháp nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ này.

7. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.

8. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ TTGDCK sẽ được chuyển nhượng theo các quy định Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, của Sở Giao dịch Chứng khoán/ TTGDCK.

9. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

ĐIỀU 10 THU HỒI CỔ PHẦN

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải nêu rõ: thời hạn thanh toán mới tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và nêu rõ trường hợp cổ đông không thanh toán đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. HĐQT có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện. HĐQT xử lý số cổ phần bị thu hồi theo quy định tại khoản 4, 5 và 6 điều này và quy định khác tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác, theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là

phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với số cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán trả Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi (theo tỷ lệ không quá lãi suất vay ngắn hạn ngân hàng bình quân năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT, kể từ ngày thu hồi đến ngày thanh toán. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi cổ phần vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

ĐIỀU 11 PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

1. Hội đồng quản trị Công ty có quyền quyết định loại trái phiếu (trừ trái phiếu chuyển đổi), tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất trước khi phát hành. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về việc phát hành trái phiếu.

2. Công ty không được phát hành trái phiếu trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 127 Luật doanh nghiệp trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Trường hợp Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

ĐIỀU 12 MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền và nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ của Công ty, có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó phải nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản 1 điều này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 điều này với giá thị trường nếu Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc bằng tỷ lệ giữa Vốn chủ sở hữu theo sổ sách và Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm đó trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá, thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp được phép hoạt động tại Việt Nam để định giá cổ phần. Công ty phải giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa

chọn đó là quyết định cuối cùng.

ĐIỀU 13 MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY

Công ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo nguyên tắc:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần từng loại đã được chào bán trong vòng 12 (mười hai) tháng. Trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này.

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo.

4. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp.

ĐIỀU 14 THAM GIA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

1. Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán khi có nhu cầu và có đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.

2. Trước khi trình đơn đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét việc cấp phép niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty phải triệu tập/ hoặc lấy ý kiến Đại hội cổ đông để quyết định. Đại hội cổ đông Công ty sẽ thông qua các nội dung cơ bản trong đơn và các vấn đề liên quan khác.

CHƯƠNG V
CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

ĐIỀU 15 CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Tổng giám đốc điều hành.

ĐIỀU 16 NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

1. Người đại diện theo pháp luật của PLAND là cá nhân đại diện cho PLAND thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công

ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổng Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

6. Trong một số trường hợp đặc biệt, Tòa án có thẩm quyền có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

7. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật tuân thủ theo điều 14 Luật doanh nghiệp.

ĐIỀU 17 QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT:

1. Tùy thuộc vào loại hình pháp lý của công ty con, Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên trong quan hệ với công ty con thông qua phần vốn góp và người đại diện phần vốn góp của Công ty vào các doanh nghiệp đó. Giao cho HĐQT là đại diện chủ sở hữu đối với phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác.

2. Hội đồng quản trị thông qua việc giao nhiệm vụ cho người đại diện phần vốn của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết để điều chỉnh mối quan hệ giữa các đơn vị phù hợp với mục tiêu, định hướng chiến lược, kế hoạch, tốc độ tăng trưởng, sự phát triển của toàn bộ Công ty.

Công ty sử dụng bộ máy của mình trực tiếp thực hiện công tác kiểm tra và giám sát hoạt động đối với các công ty con.

HĐQT có trách nhiệm ban hành Quy chế Người đại diện vốn và Kiểm tra giám sát hoạt động của các công ty con phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa Công ty và công ty con đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với các chủ

thể pháp lý độc lập.

4. Trường hợp Công ty can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên và buộc công ty con phải thực hiện hoạt động kinh doanh trái với thông lệ kinh doanh bình thường hoặc thực hiện hoạt động không sinh lợi mà không đền bù hợp lý trong năm tài chính có liên quan, gây thiệt hại cho Công ty con thì Công ty phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.

5. Người quản lý của Công ty chịu trách nhiệm về việc can thiệp buộc công ty con thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định tại khoản 4 điều này phải liên đới cùng Công ty mẹ chịu trách nhiệm về các thiệt hại đó.

6. Trường hợp Công ty không đền bù cho công ty con theo quy định tại khoản 5 điều này thì chủ nợ hoặc thành viên, cổ đông có sở hữu ít nhất 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ của công ty con có quyền nhân danh chính mình hoặc nhân danh công ty con đòi Công ty đền bù thiệt hại cho công ty con.

7. Trường hợp hoạt động kinh doanh như quy định tại khoản 4 điều này do công ty con thực hiện đem lại lợi ích cho công ty con khác của cùng Công ty thì công ty con được hưởng lợi đó phải liên đới cùng Công ty hoàn trả khoản lợi được hưởng đó cho công ty con bị thiệt hại.

CHƯƠNG VI
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 18 QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

1. Cổ đông là người chủ sở hữu của Công ty, có các quyền tương ứng với số cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông của Công ty có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật hiện hành;

d) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;

g) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

h) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của Pháp luật;

i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ theo quy định tại điều 129 của Luật Doanh nghiệp;

j) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên có các quyền sau;

a) Đề cử người vào HĐQT và BKS theo quy định tương ứng tại khoản 2 điều 33 và khoản 2 điều 38 Điều lệ này;

b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;

c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

e) Yêu cầu (bằng văn bản) BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu này phải bao gồm các nội dung chính sau:

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức;
- Số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty;
- Vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% (một phần trăm) số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng (sáu tháng) có quyền tự mình hoặc nhân danh

công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không thực hiện đúng các quyền và nhiệm vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời quyết định của Hội đồng quản trị; thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc Nghị quyết của ĐHĐCĐ;

c) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đã sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đã lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Các quyền khác được quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

ĐIỀU 19 NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.

2. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.

5. Thay thế cổ đông

Trong trường hợp một cổ đông chết hoặc chấm dứt hoạt động, những người thừa kế (đối với thể nhân) hoặc những người, hay tổ chức được thay thế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (đối với pháp nhân) của cổ đông này phải chỉ định một người duy nhất làm đại diện cho những cổ phần của thể nhân hoặc pháp nhân. Người đại diện này được Công ty coi là người sở hữu những cổ phần của cổ đông đã chết hoặc pháp nhân chấm dứt hoạt động và có quyền và nghĩa vụ như các cổ đông khác trong Công ty.

ĐIỀU 20 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của công ty; Kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần theo đề nghị của HĐQT;

c) Số lượng thành viên HĐQT, BKS;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của công ty;

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;

i) Quyết định tổ chức lại(chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình), giải thể (thanh lý) công ty.

k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

ĐIỀU 21 THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

2. Đại hội đồng cổ đông thường phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

f) Mức thù lao và Báo cáo quyết toán tiền thù lao của các thành viên HĐQT, các thành viên BKS;

g) Lựa chọn công ty kiểm toán;

h) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ.

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này;

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

đ) Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

5. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này đã yêu cầu có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 7 điều 136 Luật doanh nghiệp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4,5 và 6 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

ĐIỀU 22 THỰC HIỆN QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Các cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này.

Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 điều 15 của Luật doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

3. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải theo mẫu của Công ty và theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo Pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo Pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

d) Người được uỷ quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện quy định tại khoản 5 điều này sau 48 (bốn mươi tám) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

ĐIỀU 23 TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, CHƯƠNG TRÌNH HỌP VÀ THÔNG BÁO HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ, hoặc ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 5,6 điều 21 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông có yêu cầu.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 điều 18 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 điều này trong các trường hợp sau:

a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ tối thiểu 5% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;

c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua;

d) Các trường hợp khác.

ĐIỀU 24 CÁC ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% (Năm mươi mốt phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% (Ba mươi ba phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị Chủ tọa, ĐHĐCĐ có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 điều 23 Điều lệ này.

ĐIỀU 25 THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

ĐIỀU 26 HÌNH THỨC THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

b) Định hướng phát triển Công ty;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của công ty;

e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;

f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

g) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

ĐIỀU 27 ĐIỀU KIỆN ĐỂ NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của công ty;

đ) Tổ chức lại và giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này;

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành;

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết được

thực hiện bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

ĐIỀU 28 THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

2. HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được

coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông cùng với tổng số phiếu đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Các vấn đề đã được thông qua;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo Pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

g) Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

ĐIỀU 29 BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản ĐHĐCĐ phải được công bố trên trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ đông kết thúc.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

ĐIỀU 30 YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ; cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 điều 18 có quyền yêu cầu Tòa án hay Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

ĐIỀU 31 HIỆU LỰC CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 30 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có

quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 32 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại đã được ĐHĐCĐ quyết định; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác trừ những hình thức do ĐHĐCĐ quyết định;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

e) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của PLAND. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm đ khoản 2 điều 20, khoản 1 và khoản 3 điều 47 của Điều lệ này;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý khác theo phân cấp về công tác tổ chức cán bộ của PLAND; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia HĐQT /Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, ban hành quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và các quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập

họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; Tổ chức việc phân phối lợi nhuận và thành lập các quỹ trên cơ sở nguyên tắc: Mức trích lập và sử dụng quỹ lợi nhuận sau thuế đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản PLAND;

p) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty.

q) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty.

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp nghị quyết do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

ĐIỀU 33 NHIỆM KỲ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Số lượng thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ Công ty quyết định phù hợp với đặc điểm hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại điều 151 Luật doanh nghiệp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) đến dưới 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử 02 (hai) ứng viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử 03 ứng viên; từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 65% (sáu mươi lăm phần trăm) được đề cử 04 (bốn) ứng viên; trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Cách thức HĐQT đương nhiệm tiến hành đề cử phải được HĐQT công bố và được

ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Thành viên HĐQT sẽ đương nhiên không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp:

a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;

b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này HĐQT không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e) Thành viên đó bị bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quyết định của ĐHĐCĐ.

f) Thành viên đó đại diện cho pháp nhân, khi pháp nhân không còn tư cách pháp nhân hoặc thôi cử là đại diện cho pháp nhân đó.

5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được thông báo theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

ĐIỀU 34 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch.

2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT, phân công công tác cho các thành viên HĐQT;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp HĐQT; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT;

e) Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ, cuộc họp HĐQT;

f) Thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành các nghị quyết, quyết định đã được HĐQT thông qua và các văn bản thông thường khác thuộc thẩm quyền của Hội

đồng quản trị.

g) Tạm đình chỉ quyết định của Tổng Giám đốc Công ty trong trường hợp quyết định của Tổng Giám đốc Công ty vi phạm nghiêm trọng pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công ty, Trong trường hợp đó Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ và chịu trách nhiệm trước HĐQT về quyết định của mình, đồng thời thông báo quyết định cho Ban kiểm soát biết.

h) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch HĐQT không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.

4. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị

ĐIỀU 35 CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của PLAND hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn **07** ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với PLAND; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại PLAND.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn **07** ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

11. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Biên bản họp Hội đồng quản trị

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu được quy định tại Khoản 1, Điều 154 Luật Doanh nghiệp.

b) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của PLAND.

c) Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

CHƯƠNG VIII
TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

ĐIỀU 36 TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc Công ty. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc căn cứ theo quy định tại điều 65 của Luật doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và Pháp luật về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm; Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

ĐIỀU 37 QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. TGĐ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thay mặt Hội đồng quản trị quản lý toàn bộ tài sản của Công ty và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định pháp luật và Quy chế phân cấp của Hội đồng quản trị. Chịu trách nhiệm cá nhân với những tổn thất do hành vi vi phạm của mình gây ra.

b) Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty;

c) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị;

d) Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị. Đề nghị Hội đồng Quản trị giải quyết những vấn đề phát sinh vượt quá quyền hạn của mình.

e) Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như: xảy ra sự kiện "Bất khả kháng" và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo ngay cho Hội đồng Quản trị.

f) Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch trung hạn, ngắn hạn và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm của Công ty.

g) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty do Hội đồng quản trị quyết định. Quyết định các phương án mua sắm phương tiện và thiết bị, đầu tư tài chính có giá trị từ 10 (mười) tỷ đồng Việt Nam trở xuống. Quyết định các phương án đầu tư các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, thuộc thẩm quyền theo Quy chế phân cấp hoặc Quy chế quản lý tài chính do Hội đồng quản trị ban hành.

h) Xây dựng Quy chế trích lập và sử dụng các quỹ từ lợi nhuận sau thuế trình Hội đồng quản trị phê chuẩn. Báo cáo Hội đồng quản trị việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm.

i) Đấu thầu, mua sắm, thanh lý, cầm cố, thế chấp tài sản theo đúng các quy định của pháp luật và Quy chế phân cấp của Hội đồng quản trị.

j) Trình Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng mua bán tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản, tài chính do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định tại điểm đ khoản 2 điều 20 Điều lệ này và các hợp đồng khác theo Quy chế phân cấp của Hội đồng quản trị.

k) Ký và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự với khách hàng theo Quy chế phân cấp của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc ký kết và thực hiện đó.

l) Kiến nghị phương án, cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị. Quyết định cơ cấu tổ chức và các quy chế quản lý nội bộ khác theo Quy chế phân cấp do Hội đồng quản trị quy định.

m) Đề xuất và trình Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương, phụ cấp của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, người đại diện vốn ở doanh nghiệp khác.

n) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương, phụ cấp đối tất cả các chức danh quản lý khác còn lại trong Công ty hoặc uỷ quyền cho chức danh quản lý phụ trách các đơn vị cấp dưới thực hiện đối với chức danh trong đơn vị mình.

o) Tuyển dụng lao động ;

p) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

q) Cử cán bộ đi công tác, học tập, đào tạo ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật và theo Quy chế phân cấp của Hội đồng quản trị.

r) Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Nếu điều hành trái quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

s) Có các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Tổng giám đốc muốn từ chức phải có đơn xin từ chức gửi HĐQT. Trong thời hạn tối đa 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải xem xét và quyết định.

3. Tổng giám đốc được miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Có đơn xin từ chức được HĐQT nhất trí thông qua; hoặc

b) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; hoặc

c) Tổng giám đốc đương nhiên miễn nhiệm khi bị chết.

4. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Phạm tội theo quy định của Bộ luật hình sự;

b) Do vi phạm nghiêm trọng điều lệ Công ty hoặc có hành vi khác gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của Công ty;

c) Các trường hợp khác theo quy định của HĐQT.

5. Quyết định miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm TGĐ điều hành được thông qua khi đa số thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và HĐQT phải bổ nhiệm ngay TGĐ mới.

CHƯƠNG IX
BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 38 BAN KIỂM SOÁT

1. Ban Kiểm soát Công ty có ba (03) thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) đến dưới 10% (mười phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một ứng viên; từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử hai ứng viên, từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) và được đề cử ba ứng viên, từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 65% (sáu mươi lăm phần trăm) được đề cử bốn ứng viên và nếu từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có ít nhất 02 thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

Trưởng Ban kiểm soát có quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu HĐQT, TGĐ và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên ĐHĐCĐ.

4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

ĐIỀU 39 ĐIỀU KIỆN VÀ TIÊU CHUẨN CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật; không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

2. Có bằng đại học chuyên ngành phù hợp, am hiểu pháp luật và có quá trình công tác ít nhất 03 (ba) năm liên tục trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp.

3. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không phải là vợ chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người quản lý khác; Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty; Không là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Toà án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng.

ĐIỀU 40 QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác

quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

ĐIỀU 41 QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành PLAND.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của PLAND, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của PLAND

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của PLAND, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của PLAND khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 18 điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 18 điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của PLAND.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của PLAND.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 47 điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của PLAND.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của PLAND để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp,

Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 42 MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG X
TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN LỢI CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC.

ĐIỀU 43 TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ PLAND

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của PLAND;

c) Trung thành với lợi ích của PLAND và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của PLAND, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của PLAND để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho PLAND về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của PLAND.

2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU 44 TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của PLAND.

3. Trung thành với lợi ích của PLAND và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của PLAND, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của PLAND để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho PLAND hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho PLAND.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

ĐIỀU 45 THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC.

1. PLAND có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Tổng giám đốc và người quản lý khác trên cơ sở kết quả và hiệu quả kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả trên nguyên tắc sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Tổng giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của PLAND theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của PLAND, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

ĐIỀU 46 TIỀN LƯƠNG VÀ QUYỀN LỢI KHÁC CỦA KIỂM SOÁT VIÊN.

Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định

sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của PLAND theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của PLAND.

ĐIỀU 47 HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HOẶC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHẤP THUẬN

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính, gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. ĐHĐCĐ chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký

kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

CHƯƠNG XI
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

ĐIỀU 48 QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 3 điều 18 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty: danh sách cổ đông, các biên bản của ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGĐ điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của BKS, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

CHƯƠNG XII
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

ĐIỀU 49 CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

TGĐ điều hành phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII
PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

ĐIỀU 50 CỔ TỨC

1. Theo quyết định của ĐHĐCĐ và quy định của Pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty.

2. HĐQT có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Công ty phát hành) và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức được chi trả bằng tiền mặt, Công ty chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Các khoản tiền trả cổ tức được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Khi Công ty đã niêm yết trên thị trường chứng khoán, việc thanh toán cổ tức được tiến hành thông qua Trung tâm Lưu ký và các công ty chứng khoán.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ, HĐQT có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7. HĐQT có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày chốt danh sách cổ đông của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông được quyền nhận cổ tức, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện.

ĐIỀU 51 CÁC VẤN ĐỀ KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XIV
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

ĐIỀU 52 TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

ĐIỀU 53 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch

ĐIỀU 54 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS).

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

ĐIỀU 55 BÁO CÁO HÀNG NĂM, 6 THÁNG, HÀNG QUÝ

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 57 của Điều lệ này. Trong thời hạn 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan có thẩm quyền, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung

thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và 6 (sáu) tháng của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo 6 (sáu) tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

ĐIỀU 56 CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI
KIỂM TOÁN CÔNG TY

ĐIỀU 57 KIỂM TOÁN

1. ĐHĐCĐ thường niên phê chuẩn công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty, để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

2. Công ty gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp ĐHĐCĐ, được quyền nhận các thông báo, các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII
CON DẤU

ĐIỀU 58 CON DẤU

1. HĐQT quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. HĐQT, TGĐ sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

ĐIỀU 59 CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Việc giải thể Công ty do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty.

4. Hồ sơ giải thể Công ty theo quy định của pháp luật

5. Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

ĐIỀU 60 GIA HẠN HOẠT ĐỘNG

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 (bảy) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

ĐIỀU 61 THANH LÝ

1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và một thành viên do

HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

d) Các khoản vay (nếu có);

e) Các khoản nợ khác của Công ty;

f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

ĐIỀU 62 GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay các quy định của Pháp luật, giữa:

a) Cổ đông với Công ty; hoặc

b) Cổ đông với HĐQT, BKS, TGĐ hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu BKS chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 63 BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này do ĐHĐCĐ xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI
NGÀY HIỆU LỰC

ĐIỀU 64 NGÀY HIỆU LỰC

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương, 64 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư và dịch vụ hạ tầng xăng dầu nhất trí thông qua ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 (mười) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a) 01 (một) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương.

b) 05 (năm) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Uỷ ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c) 04 (bốn) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ
HẠ TẦNG XĂNG DẦU
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0101788806 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU Q. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

Trương Hùng Sơn

PHỤ LỤC

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

1. Đơn vị phụ thuộc:

- Chi nhánh Dĩ An

+ Địa chỉ: Số 268 đường Lý Thường Kiệt, khu phố Thống Nhất 1, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

2. Công ty con:

- Công ty Cổ phần Tư vấn công nghệ xây dựng PETROLIMEX

3. Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Bất động sản Nghệ An